

CẢM QUAN VỀ ĐỜI SỐNG MANG MÀU SẮC HIỆN SINH TRONG TIỂU THUYẾT VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thị Hải Phương

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh trong tiểu thuyết hiện nay được thể hiện ở nhiều phương diện khác trong đó nổi bật nhất là ở cảm quan về đời sống mang đậm màu sắc hiện sinh. Đó là một cuộc sống trống rỗng, nhạt nhẽo, đơn điệu, nhàm chán lặp đi lặp lại và con người luôn bị bủa vây bởi nỗi cô đơn, lạc lõng... Chính vì coi trọng nhân vị, coi trọng sự tự do cá nhân nên các nhà văn hiện nay đã thể hiện sự lo lắng, bất an về tình trạng đánh mất bản sắc của con người; họ muốn cất lên hồi chuông cảnh tỉnh con người cần phải thay đổi, làm cho cuộc đời của mình có ý nghĩa hơn...

Từ khóa: Chủ nghĩa hiện sinh, tiểu thuyết Việt Nam, cảm quan về đời sống.

1. Mở đầu

Chủ nghĩa hiện sinh là một trào lưu triết học phát triển mạnh mẽ ở phương Tây vào đầu thế kỷ XX và có sự tác động sâu sắc tới nhiều lĩnh vực của đời sống cũng như khoa học, trong đó có văn học. Bàn về dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh trong văn học hiện nay cũng đã có một số ý kiến. Đó có thể là những ý kiến nghiên cứu một cách tổng quát sự xuất hiện của khuynh hướng hiện sinh trong các thể loại văn học như truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ: *Cảm thức hiện sinh trong truyện ngắn Việt Nam từ 1986 đến 2010* của Trần Nhật Thu [11], *Khuynh hướng hiện sinh trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986* của Thái Phan Vàng Anh [1], *Khuynh hướng hiện sinh trong thơ nữ Việt Nam thời kì đổi mới* của Trần Hoài Anh [2]... Bên cạnh đó, có rất nhiều bài báo, luận văn lại đi vào phân tích những biểu hiện của dấu ấn hiện sinh qua sáng tác của một nhà văn cụ thể: *Ám ảnh hiện sinh trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp* của Nguyễn Thành Thi [10], *Màu sắc hiện sinh trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài* của Nguyễn Phương Hảo [5], *Dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh trong tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương* của Phạm Thị Thắm [9], *Cảm quan hiện sinh trong tiểu thuyết Đoàn Minh Phương* của Nguyễn Thị Minh Huệ [6]... Như vậy, hầu hết các nhà phê bình đều nhận thấy, trong văn học hiện nay dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh được thể hiện khá rõ nét, nó chi phối các tác phẩm từ việc tổ chức thế giới hình tượng (nhân vật, không gian, thời gian...) đến cấu trúc văn bản ngôn từ (motif, biểu tượng, hình ảnh, giọng điệu...). Trong phạm vi bài viết này, trên cơ sở kế thừa quan niệm của những người đi trước, người viết chỉ xin đi sâu vào phân tích một phương diện cụ thể của tiểu thuyết Việt Nam hiện nay mang đậm dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh đó là cảm quan về đời sống của các nhà văn.

Ngày nhận bài: 15/1/2017. Ngày sửa bài: 2/7/2017. Ngày nhận đăng: 20/9/2017

Liên hệ: Nguyễn Thị Hải Phương, e-mail: haiphuongdhsp@yahoo.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Sơ lược về sự biểu hiện của dấu ấn chủ nghĩa hiện sinh trong lịch sử văn học Việt Nam

Chủ nghĩa hiện sinh ra đời như là sự phản ứng lại chủ nghĩa duy lí, góp phần hướng con người về với thế giới tinh thần, đời sống của nội tâm sống động và cụ thể. Chủ nghĩa hiện sinh gắn liền với tên tuổi của những nhà triết học lớn như Karl Jaspers, Gabriel Marcel, Martin Heidegger, Jean Paul Sartre. . . Nét nổi bật trong tư tưởng của chủ nghĩa hiện sinh là sự quan tâm tới sự hiện hữu cá nhân như một nhân vị độc lập; các nhà hiện sinh cho rằng nhân vị của con người chính là hiện sinh của nó, mang bộ mặt riêng biệt, đặc thù... Chủ nghĩa hiện sinh lưu tâm tới các phạm trù “cô đơn”, “lo âu”, “vươn lên”, “nhập cuộc”, “tha hóa”. . . Nét đặc biệt là các nhà triết học hiện sinh thường ít trình bày các quan điểm triết học của mình dưới dạng một hệ thống lí luận như theo cách truyền thống của triết học phương Tây mà chủ yếu thông qua các tác phẩm văn học. Có lẽ vì thế mà ta nhận thấy rất nhiều nhà văn hiện sinh nổi tiếng cũng đồng thời là những triết gia hiện sinh.

Quan sát sự vận động của văn học Việt Nam, ta có thể tìm thấy dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh được thể hiện trong một số tác phẩm văn học giai đoạn 1930 – 1945. Đọc những sáng tác của Huy Cận, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Bích Khê, Hàn Mặc Tử. . . trong phong trào Thơ Mới, ta có thể nhận thấy tâm thức hiện sinh được thể hiện khá rõ nét qua những cảm xúc về nỗi cô đơn, về cái chết, về sự siêu việt. . . Với cuốn tiểu thuyết *Bướm trắng*, Nhật Linh đã đặt ra vấn đề về tính chất phi lí của cuộc đời, về sự sa đọa của con người. Trong văn học 1945 – 1975, dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh được thể hiện khá phổ biến trong bộ phận văn học đô thị Miền Nam với những tác phẩm của Nguyễn Thị Hoàng, Nhã Ca, Duyên Anh. . . Các tác phẩm của Nguyễn Thị Hoàng như *Bóng tối cuối cùng*, *Buồn như đời người*, *Vực nước mắt*, *Cuộc tình trong ngục thất*. . . đã vẽ nên trước mắt ta một cuộc sống với những nỗi đau khổ, cô đơn. . . Trong các tác phẩm *Điều ru nước mắt*, *Nước mắt lưng tròng*, *Sa mạc tuổi trẻ*, *Áo vọng tuổi trẻ*, *Luật hè phố*..., Duyên Anh cũng đã thể hiện được một cách khá sinh động, chân thực về tâm trạng lo âu, bất an của con người trước cuộc sống đầy biến động. Cảm thức về sự lạc loài của nhà văn Nhã Ca trong *Bóng tối thời con gái*, *Cô hippy lạc loài*. . . cũng mang đậm màu sắc hiện sinh. Có thể nói, sự tác động của xã hội, cùng với những ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện sinh đã đưa lại cho văn chương đô thị miền Nam 1954 – 1975 một màu sắc mới. Tuy nhiên, các sáng tác này cũng có những hạn chế nhất định khi đôi lúc quá tô đậm sự bi quan, bế tắc của con người. Đặc biệt, dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh được thể hiện đậm nét trong văn học Việt Nam đương đại nói chung và tiểu thuyết nói riêng. Tiểu thuyết Việt Nam đương đại ra đời trong bối cảnh trật tự diễn ngôn trong xã hội, hệ thống giá trị trong xã hội có nhiều thay đổi. Sự thay đổi ấy là hệ quả của sự vận động tất yếu trên nhiều phương diện. Đó là sự chuyển đổi từ hoàn cảnh chiến tranh sang hoà bình; từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường. . . Trong giai đoạn 1945-1975, do hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, tinh thần yêu nước và ý thức cộng đồng đã được phát huy cao độ. Mỗi người đều tự nguyện hi sinh bản thân, hi sinh tuổi thanh xuân của mình, quyết tử cho Tổ Quốc quyết sinh, tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho chiến thắng. . . Hoà bình lập lại, con người trở lại với cuộc sống đời thường. Đúng như nhà văn Nguyễn Ngọc đã khẳng định: “Trong chiến tranh, mọi quan hệ xã hội và con người dồn lại và thu hẹp vào một quan hệ duy nhất: sống - chết. Người ta phải sống phi thường, phi thường có thể là cao cả, nhưng phi thường cũng đồng thời là triệt tiêu đi bao nhiêu quan hệ bình thường mà vô cùng phong phú và phức tạp của con người, đẩy tất cả các quan hệ ấy về phía sau. (. . .) Ngọn lửa chiến tranh thiêu cháy cả những nhỏ nhen, nhiều khê của cuộc sống thường ngày. Hoà bình thì khác hẳn. Hoà bình tức là trở lại đối mặt với cái bình thường hằng ngày, cái bình thường mà muôn thủa, tất cả những nhiều khê của cuộc sống bị che lấp trong chiến tranh bấy giờ thức dậy, vây quanh con người từng giờ ở khắp mọi nơi” [7;tr.169]. Đúng trước sự thay đổi này, mỗi người

đều ý thức được họ không thể chỉ sống mãi với cái phi thường, với những “đại tự sự” mà còn phải sống cuộc đời bình thường, phải đối mặt với những vấn đề của cuộc sống nhân sinh đầy bộn bề, phức tạp. Bên cạnh đó, từ sau năm 1986, đại hội Đảng VI cùng đường lối đổi mới toàn diện đã tạo điều kiện thuận lợi cho các trào lưu tư tưởng phương Tây hiện đại trong đó có chủ nghĩa hiện sinh du nhập và lan tỏa ảnh hưởng ở nước ta. Các sáng tác của J. P. Sartre, A. Camus,... thu hút các nhà văn Việt Nam tới mức “người được gọi là trí thức phải có một bản dịch cuốn *Buồn nôn* của Sartre gối đầu giường” (Nguyễn Tiến Dũng). Và đọc tiểu thuyết của các nhà văn hiện nay như Phạm Thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Việt Hà, Đoàn Minh Phượng, Tạ Duy Anh, Nguyễn Bình Phương... ta dễ dàng nhận thấy họ đã chịu ảnh hưởng khá sâu sắc những tư tưởng, những quan niệm về đời sống của các nhà hiện sinh.

2.2. Biểu hiện của màu sắc hiện sinh trong cảm quan về đời sống của tiểu thuyết Việt Nam hiện nay

2.2.1. Cuộc sống mang tính trống rỗng, nhạt nhẽo, nhàm chán, lặp đi lặp lại

Khi viết về cuộc sống đời thường, các nhà tiểu thuyết thời kì đổi mới thường ít đi sâu vào miêu tả sự nghèo đói thiếu thốn về vật chất mà chủ yếu đi vào tái hiện trạng thái bi kịch, trống rỗng, nhạt nhẽo, nhàm chán, tẻ nhạt của đời sống. Một cuộc sống mà trong đó những giá trị đều bị nhạt hóa. Có lẽ đây chính là một trong những biểu hiện rõ nhất của dấu ấn hiện sinh trong cảm quan về đời sống của tiểu thuyết hiện nay. Đọc *Buồn nôn* của J. Sartre - một trong những tác giả tiêu biểu của văn học hiện sinh, ta thấy nhân vật Roquentin cũng luôn bị ám ảnh cảm nhận về một cuộc sống khuôn mẫu, tẻ nhạt vô nghĩa: “Từ trên đỉnh đồi này, tôi cảm thấy mình xa họ biết chừng nào! Tôi có cảm giác mình thuộc giống loài khác... Ngày nào công viên cũng đóng cửa lúc mười sáu giờ vào mùa đông, mười tám giờ vào mùa hè; chì nóng chảy ở 335 độ; chuyến tàu điện cuối cùng trong ngày khởi hành từ Tòa thị chính lúc hai mươi ba giờ năm phút. Họ bình yên, ít nhiều rầu rĩ nghĩ tới ngày mai, tức là một cách đơn giản, một ngày hôm nay mới; các thành phố chỉ có một ngày duy nhất, mỗi buổi sáng, trở đi trở lại giống nhau. Nhiều lắm thì ngày chủ nhật, người ta trang điểm cho nó chút đỉnh” [8;tr.294]. Roquentin gọi những con người như vậy là “bọn ngốc” và anh cảm thấy “buồn nôn” khi phải chứng kiến cuộc sống ấy. Và đọc tiểu thuyết Việt Nam hiện nay ta cũng thấy nổi ám ảnh về một đời sống trống rỗng, nhạt nhẽo cứ trở đi trở lại trong sáng tác của các nhà văn. Trong *Mary Sến*, Phạm Thị Hoài đã đề cập đến sự bế tắc, ngột ngạt và vô dụng của cuộc sống viên chức Việt Nam những năm đầu đổi mới. Đặc biệt đến *Thiên sứ*, nhà văn này đã vẽ nên trước mắt người đọc một đời sống nhạt nhẽo, bản cùng về tinh thần. Một cuộc sống đời thường mà tin số đề là một trong ba chương trình hấp dẫn nhất. Thế giới giải trí của trẻ thơ chỉ vãn vẹn có “báo thiếu niên tiền phong hai màu lòe loẹt và một vài đầu truyện Kim đồng do người lớn hạ cổ viết cho lũ trẻ.”. Trong cuộc sống đó, gương mặt trí thức hiện lên thật méo mó, quái dị. Thầy Kiên với những bài giảng kiểu “bơ là loại thịt người ta đóng vào ống bơ đem ra chợ bán”. Mỗi lần giảng bài xong, thầy lại “lồm ngồm tìm dép ở một xó nào”; lúc thầy giảng bài thì “bọt trào ra trắng xóa hai bên mép”. Bồ Hoài là một người ham mê sách nhưng khi chọn sách ông chỉ quan tâm đến độ dày mỏng của cuốn sách hơn là chất lượng của nó. Ông có một thú vui là sưu tầm sách nhưng mục đích của việc làm này không phải là để nâng cao kiến thức mà là “để mở hiệu cho thuê sách khi về hưu”. Ngay cả Hùng - một người được đào tạo một cách tử tế ở nước ngoài, có tấm bằng đồ Lomonoxop trong tay nhưng đời sống tâm hồn cũng nghèo nàn và tẻ nhạt. Anh là một người “trung lập và ôn hòa tuyệt đối, cái gì cũng biết một chút, cái gì cũng say mê một chút, toàn diện và hời hợt”, suốt đời “thủ thế phòng ngự, e sợ vong thân, mất chuẩn mực ôn hòa định hướng cuộc đời”. Với tiểu thuyết *Ngôi*, Nguyễn Bình Phương lại phơi bày nên trước mắt ta một cuộc sống rời rạc, tẻ nhạt, đầy cái thô tục, tầm thường - một cuộc sống với những tiếng chửi tục tằn, tiếng gọi

điện vay tiền, tiếng tụng kinh, gõ mõ. Một cuộc sống chất đầy những mâu thuẫn - trong cơ quan nhà nước thì mâu thuẫn bè phái; trong gia đình thì mâu thuẫn vợ chồng; ngoài xã hội thì đầy rẫy những tệ nạn đê đóm, mại dâm, cờ bạc, ma túy, lừa đảo, mê tín dị đoan... Tác phẩm đã miêu tả một cách chân thực những trạng thái của một cuộc sống vừa căng thẳng, mệt mỏi vừa phức tạp, rối mù. . .

Trong cuộc sống nhàm chán, tẻ nhạt đó, các giá trị tinh thần cũng bị nhạt hóa, con người cũng dần đánh mất bản sắc của mình, họ bị biến thành những cỗ máy.... Như chúng ta đã biết, chủ nghĩa hiện sinh luôn đề cao con người như một nhân vị độc lập, một nhân cách độc đáo chứ không phải là một con số vô danh, một cái bóng của ý niệm hay một phạm trù trừu tượng. Chủ nghĩa hiện sinh đề cao tự do cá nhân con người, quan tâm tới việc giải phóng con người để con người thực sự được tự do, làm nổi bật cái độc đáo của con người, làm cho con người không bị hòa tan vào thể giới bao la, rộng lớn. . . Trong các tác phẩm của mình, Heidegger đã phê phán việc tùy tiện thay thế nhân cách này bằng nhân cách khác, đặt một người vào chỗ của bất cứ một người khác. Ông cho rằng, hiện tượng bình quân hoá này sẽ đẩy con người đến chỗ không có bản sắc riêng, không có chút sắc cạnh, không có cái độc đáo của mình. Đọc tiểu thuyết Việt Nam hiện nay, ta nhận thấy, vì coi trọng nhân vị, coi trọng sự tự do cá nhân của mỗi con người nên các nhà văn đã thể hiện sự lo lắng, bất an về tình trạng đánh mất bản sắc của con người, về nguy cơ số hoá con người trong thời đại kĩ trị. Thiên sứ của Phạm Thị Hoài đã miêu tả những “thằng người không mặt”: “Trên cổ là một khoảng trắng mênh mênh, không ranh giới với môi trường, hoà tan, giải tán, một vệt xoá không thương tiếc của chiếc giẻ lau vô hình”. Trong *Chinatown*, với sự hiện diện của những con số khô cứng: hai nghìn Chinatown, một tỉ người Trung Quốc, bốn mươi chín đồng nghiệp, hai trăm cụ ông, hai trăm cụ bà, hai trăm nam sinh, hai trăm nữ sinh, vài nghìn phụ nữ. . . , Thuận cũng đã cảnh báo với người đọc về nguy cơ cá tính của con người sắp sửa bị hoà tan vào một dòng chảy vô bản sắc; gương mặt cá nhân đã bị hoà tan trong đám đông.

Chính cảm giác bất ổn về đời sống tinh thần nghèo nàn đã khiến con người rơi vào trạng thái buông xuôi, đắm chìm trong những thú dung tục tầm thường, cạn kiệt khả năng yêu thương, chia sẻ với người khác. Trong *Thiên sứ*, nhân vật người mẹ thì suốt ngày cằn nhằn về nỗi lo cơm áo gạo tiền; ông bố chỉ lo lắng về việc bảo vệ uy tín và danh dự, không cho nó bị tổn thương, “thà giết chết tình yêu còn hơn mất nó”; Hằng thì tối ngày lo vùi đầu vào những cuộc tình lãng mạn và những buổi tiệc tùng nhạt nhẽo còn ông chồng của Hằng thì có niềm đam mê rất bệnh hoạn là sưu tầm giấy toa lét... Trong sự vận hành của cuộc sống với những “cỗ máy tâm hồn rệu rã, đơn điệu” đó, Hoài – một cái Tôi thuần khiết đã rơi vào trạng thái cô đơn, còn bé Hon “thiên sứ” với những cái hôn nồng cháy cũng đã không thể nào sống được, phải ra đi. Trong *Ngồi*, Nguyễn Bình Phương cũng tái hiện lại cuộc sống của những cán bộ công chức đầy nhàm chán, tẻ nhạt ở một khu tập thể; họ tìm đến cơ quan nhà nước không phải để làm việc, để phấn đấu, để cống hiến mà để “ngồi”. Họ ngồi để bàn mưu tính kế, triệt hạ, lật đổ, nói xấu nhau. Họ ngồi để tán gẫu, đọc báo, gây sự và đánh nhau: “Khẩn cầm tờ báo có đang mẩu tin tìm tung tích nạn nhân kẹp vào thân xe và phóng về cơ quan. Nghĩa, Nhung và Hùng đang ngồi tán chuyện về xe máy. Nghĩa ghét cánh già đi xe máy vì dề dề, gây cản trở cho người khác. Hùng ghét bọn choai choai vì hay nuồn nách, đánh võng. Nhung ủng hộ đám con gái trẻ vì chúng đi nhanh mà vẫn cẩn thận. . .”. Còn khi họ không “ngồi” thì mọi chuyện còn tệ hại hơn: họ đi chơi gái, uống rượu, đi đánh đề và đi làm tình với nhau. Với việc miêu tả những con người với cuộc sống tẻ nhạt, nhàm chán, các nhà văn hiện nay muốn cất lên hồi chuông cảnh tỉnh con người cần phải thay đổi, làm cho cuộc đời của mình có ý nghĩa hơn, không nên rập khuôn, máy móc để rồi đánh mất tính độc đáo của mình, lơ nhờ, hòa tan vào bao con người khác, vào thể giới bao la, rộng lớn. . .

2.2.2. Cuộc sống chứa đầy nỗi cô đơn, lạc loài, vô định

Bên cạnh quan niệm về cuộc sống nhàm chán, trống rỗng, tẻ nhạt, các nhà văn hiện nay cũng thể hiện cảm nhận về một cuộc sống ẩn chứa nỗi cô đơn, lạc loài, bất an, vô định. Theo Heidegger, một nhà triết học hiện sinh, con người lúc nào cũng phải sống trong tâm trạng lo âu, bất ổn vì bị ném vào trong một thế giới xa lạ, hiểm nguy, thiếu sự an toàn, vì phải đối mặt với cái chết, dù cho con người cố tìm đủ mọi cách trốn chạy để xa lánh cái chết. Cái chết có thể đến với con người với bất kì nơi đâu và bất kì lúc nào. Với Heidegger, sống, tức là đang đi về với cái chết, là đi trước vào trong cái chết nên con người càng phải nhận thức rõ cảnh ngộ đó của mình để có những sự lựa chọn đúng đắn và có ý nghĩa cho những hành động ở đời. Cũng cùng quan điểm như thế, theo J.P.Sartre, tồn tại người là hư vô; con người luôn cô đơn và cái chết luôn hiện diện. Đọc tiểu thuyết Việt Nam đương đại, ta thấy các nhà văn như Nguyễn Bình Phương, Thuận, Nguyễn Việt Hà... miêu tả những con người rơi vào trạng thái sống đầy bất an, vô định, lạc lõng trong không gian, thời gian và trong chính tâm hồn của mình. Nhân vật em trong *Trí nhớ suy tàn* của Nguyễn Bình Phương không thể định vị được sự tồn tại của chính mình: “Vũ bên trái, Tuấn bên phải, trận ốm sau lưng và cái gì đó như chiếc kim khâu khổng lồ trước mặt”. Một trạng thái mà nhân vật thường xuyên rơi vào là trạng thái không định hình, không rõ rệt. Tất cả chỉ là mang máng, hình như, không nhớ... Qua nhân vật em, Nguyễn Bình Phương gây cho ta một ám ảnh, một cảm giác bất an về tình trạng tồn tại của mình. Cuộc sống chúng ta nhiều khi là một sự loay hoay, dò dẫm trong những cõi sương mù do chính mình tạo ra. Ta không biết ta đang ở đâu và cái gì đang chờ đợi ta phía trước. Nhân vật Hoàng trong *Cơ hội của chúa lang thang* từ Hà Nội đến Sài Gòn, từ những khách sạn sang trọng đến khu ổ chuột nhưng không nơi nào anh hòa nhập được. Hoàng lạc lõng và xa lạ với thế giới của đồng tiền, quyền lực, thế giới của công sở trong hiện tại và mù mịt về tương lai.

Trạng thái bất định của đời sống càng được khắc họa rõ khi ta đọc những tiểu thuyết của Thuận. Bao trùm lên các tiểu thuyết của cô từ *Made in Vietnam* đến *Chinatown*, *T mất tích*, *Paris 11/8* và *Vân Vỹ*... là thân phận bấp bênh, trôi nổi của những di dân nhỏ bé. Thuận từng phát biểu: “Di dân nhỏ bé là mối quan tâm lớn của tôi. Người ta chỉ cần mấy tiếng đồng hồ để bay từ Paris sang Dukas, Bombay hay Hà Nội, nhưng có lẽ người ta sẽ chẳng bao giờ rút ngắn được khoảng cách giữa các mức sống, các niềm tin, các nền văn hóa. Một trong những nạn nhân chính của cái hổ ngày càng sâu giữa phương Tây và Thế giới thứ ba không ai khác ngoài di dân nhỏ bé” [12]. Các nhân vật di dân trong tác phẩm của Thuận từ nhân vật Tôi trong *Chinatown* đến Liên, Mai Lan, Pát, Nát trong *Paris 11/8*... đều rơi vào trạng thái sống bất an, vô định, họ lạc lõng với chung quanh và lạc lõng với chính mình. Ở họ luôn thường trực câu nói: “Tôi không biết...”, “Tôi không hiểu tại sao...”. Họ lạc lõng trong công việc, trong tồn tại: “Giáo viên ngẩng lên neho mắt bảo: con trai tặng đây. Liên im lặng. Giáo viên chỉ vào khung ảnh màu vàng bảo: con trai đây, bên cạnh là con gái còn đây là chồng. Liên lại gật đầu. Giáo viên lại tiếp: bây giờ chồng mất rồi. Liên không hiểu gì. Giáo viên lại nói tiếp: huyết áp cao. Liên vẫn không hiểu gì. Giáo viên bảo nhồi máu cơ tim. Liên gật đầu” (*Paris 11/8*). Chính sự ngỡ ngàng của Liên đã đẩy cô vào tình trạng thất nghiệp: không tiền, không tình, không nhà. Nhân vật Tôi trong *Chinatown* do mang mác người nhập cư nên “các đồng nghiệp nhanh chóng trao cho cô ba lớp có vấn đề của ba khối” và mỗi khi cô lên lớp thì học trò không thèm nghe cô giảng vì “chúng nó bảo tôi không biết phương pháp giảng dạy. Tôi chỉ biết phương pháp giảng dạy Việt Nam”. Ngay cả Mai Lan - một cô hoa hậu sống bằng tiền trợ cấp nuôi con và bằng cách khai thác nhan sắc của mình, nhưng rồi nhan sắc cũng tàn phai, con gái lại thất tình phải nhảy lầu tự tử nên cô mất tiền trợ cấp, mất nhà ở... Hiện tại của những người di dân đã bi đát và tương lai lại cũng chẳng sáng sủa gì. Một tương lai đầy bất trắc, rủi ro đang chờ đợi họ. Nhân vật Tôi (*Chinatown*) sau hai tiếng đồng hồ sống với những hoài niệm quá khứ, những ám ảnh về người tình lại trở về thực tại chua xót: “Ngày lặn lội ba tiếng hết xe buýt lại đến tàu hỏa

để dạy các lớp có vấn đề; học trò là một lũ choai choai, cả ngày giờ ngồi ngáp, bàn chủ đề phim tươi mát” và một tương lai với nguy cơ mất việc đang bày ra trước mắt. Như vậy, bằng tài năng và bằng chính sự trải nghiệm của mình, Thuận đã phơi bày trước mắt người đọc một cuộc sống đời thường đầy bất định, lạc lõng của những di dân nhỏ bé. Họ phải sống ở một nền văn hóa khác, một ngôn ngữ khác nên luôn cảm giác bơ vơ, xa lạ với thế giới xung quanh và đôi khi xa lạ với chính mình.

2.2.3. Cuộc sống mang màu sắc phi lí, bất thường

Một biểu hiện nữa của dấu ấn hiện sinh trong tiểu thuyết Việt Nam hiện nay chính là cảm quan về đời sống mang tính phi lí, bất thường. Đọc tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương, Châu Diên, Đoàn Minh Phương, Hồ Anh Thái..., ta dễ dàng bắt gặp những mảng hiện phi lí tồn tại cùng cái quen thuộc hằng ngày. Với *Người sông Mê*, Châu Diên đã xáo trộn không gian thực và không gian ảo, giữa cõi thực với chốn sông Mê, bến Lú, giữa hiện tại của các nhân vật với “kiếp ảo”, “kiếp gốc” của chúng. Và *khi tro bụi* của Đoàn Minh Phương cũng là câu chuyện nửa hư nửa thực về kiếp nhân sinh. Đọc tác phẩm ta thấy những câu chuyện về cuộc đời An Mi, về gia đình Michael đều được bao bọc bởi nhiều điều phi lí, khó tin. Sự thật liên tiếp bị chối bỏ khiến người đọc cũng cảm thấy hoang mang, không biết đâu là sự thực. Cuốn sổ nhật kí mà Michael Kempf trao cho An Mi nói rằng chính Michael biết được sự thật đau đớn về cái chết của mẹ, về sự mất tích của đứa em trai vô tội là do người cha gây nên. Thế nhưng khi An Mi muốn xác nhận sự thật thì Michael Kempf lại phủ nhận những gì mà anh ta đã viết. An Mi muốn truy tìm sự thật về câu chuyện gia đình Michael nhưng An Mi lại sống nhiều bằng ám ảnh, mộng mị nên bản thân câu chuyện của cô cũng đã tạo cảm giác khó tin cho người đọc. *Thiên thân sám hối* của Tạ Duy Anh viết về nỗi đau nhân tình thế thái. Trong cảm nhận của bào thai, cuộc sống ngoài kia đầy rẫy những chuyện “tàn ác, liêm sỉ và vô lương”... Bào thai hoài nghi về sự sống của con người: “Tôi cảm nhận cuộc sống ngoài kia như một cái gì khủng khiếp đang diễn ra hằng ngày”. Từ suy nghĩ ấy, nó quyết định dừng cuộc hành trình đến với trần gian để quay về làm thiên thần vĩnh viễn.

Điều đáng chú ý trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại là các nhà văn để cho cái phi lí xuất hiện một cách bình thường giữa đời sống thực, cái phi lí trở thành quy luật trong một thế giới bình thường. Đọc Những đứa trẻ chết già của Nguyễn Bình Phương, ta bắt gặp sự tồn tại của hai cõi âm dương, của người sống và người chết hòa lẫn vào nhau. Trong Ngồi, cái phi lí và cái có lí cũng trộn lẫn vào nhau, hòa vào nhau không thể tách ra được. Bức hình người đàn ông ngồi trong tư thế nửa như thiên sư, nửa như kẻ hành khất, có chữ Niếu là có lí hay phi lí? Hình ảnh chiếc chén hạt mít xoay tít trên các kí tự là có lí hay phi lí? Hình ảnh con bướm trắng hấp hối trước hiên nhà Thúy và trong vườn nhà Trương là có lí hay phi lí? Các nhà văn đã không ngần ngại phủ lên trên tác phẩm của mình một màu sắc phi lí, hoang đường để đem đến cho người đọc một quan niệm đa chiều hơn về hiện thực.

3. Kết luận

Như vậy, dòng chảy hơn 30 năm của tiểu thuyết đương đại - khoảng thời gian ấy chưa phải là dài nhưng cũng đủ để giúp chúng ta nhìn thấy được những bước thăng trầm của thể loại. Nghiên cứu dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh trong cảm quan về đời sống của tiểu thuyết Việt Nam đương đại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nó không chỉ cho ta thấy được phong cách thể loại tiểu thuyết thời kì này mà nó còn giúp ta hiểu được phần nào hệ hình ý thức xã hội và cơ chế văn hóa của thời kì đổi mới đã chi phối sự ra đời và vận hành của tiểu thuyết hiện nay. Rõ ràng, việc xuất hiện đậm nét của dấu ấn hiện sinh trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại hoàn toàn không phải là một sự ngẫu nhiên mà nó có những lí do của nó. Cùng với sự vận động nhanh chóng và phức tạp của đời

sống xã hội, chính chủ trương nói thật, “nhìn thẳng vào sự thật” của Đảng cộng với sự tác động mạnh mẽ của văn học thế giới... là những nhân tố quan trọng tạo điều kiện để cho nhà văn hiện nay thể hiện những cảm nhận, suy ngẫm sâu sắc của mình về thực trạng của đời sống, về thân phận của con người trước nền văn minh kỹ thuật của thế giới hiện đại. Chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện sinh, các nhà văn hiện nay thông qua tác phẩm của mình đã làm cho con người bừng tỉnh, ý thức được mình là một nhân cách độc đáo, một giá trị đáng trân trọng. Vì vậy, con người cần phải tận dụng những điều kiện và khả năng đó để thể hiện mình, để thoát khỏi cuộc sống nhàm chán, tẻ nhạt và tạo dựng cho mình một cuộc sống tự do, có ý nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thái Phan Vàng Anh, 2014. *Khuynh hướng hiện sinh trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986*, <http://vannghequandoi.com.vn>
- [2] Trần Hoài Anh, 2014. *Khuynh hướng hiện sinh trong thơ nữ Việt Nam thời kì đổi mới*, <http://www.tapchisonghuong.com.vn>
- [3] M Bakhtin, 1992. *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết*. Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội
- [4] Nguyễn Vũ Hảo (Chủ biên), 2006. *Giáo trình Triết học phương Tây hiện đại*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Nguyễn Phương Hảo, 2011. *Màu sắc hiện sinh trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài*. Luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Thị Minh Huệ, 2009. *Cảm quan hiện sinh trong tiểu thuyết Đoàn Minh Phượng*. Luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Vinh, Vinh.
- [7] Nguyễn Văn Long, Lê Nhân Thìn (đồng chủ biên), 2006. *Văn học Việt Nam sau 1975, những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*. Nxb Giáo dục, Hà Nội
- [8] J.P.Sartre, 1994. *Buồn nôn*, (Nguyễn Trọng Định dịch). Nxb Văn học.
- [9] Phạm Thị Thắm, 2015. *Dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh trong tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương*. Luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [10] Nguyễn Thành Thi, 2010. *Ấm ảnh hiện sinh trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*, Tạp chí Văn học, số 5, tr.26-37.
- [11] Trần Nhật Thu, 2016. *Cảm thức hiện sinh trong truyện ngắn Việt Nam từ 1986 đến 2010*. Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Huế.
- [12] Thuận, 2006. *Tôi rất muốn biết vì sao mình được tặng thưởng*, <http://www.vietbao.vn>.

ABSTRACT

The awareness of existential lives in Vietnamese contemporary novels

Nguyen Thi Hai Phuong

Faculty of Philology, Hanoi National University of Education

The impression of existentialism in Vietnamese contemporary novels are shown in many aspects and especially prominent in awareness of existential lives. They are blank, listless and repeated lives in which people are lonely and lost. Because of giving individual freedom in priority, modern writers have shown their worries and unsafety about losing human's characteristics. They want to alert people to change their ways of life and to make their lives to become more meaningful.

Keywords: Existentialism, Vietnamese novels, awareness of lives.